

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 362/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 06 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/ 8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2019 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 228/TTr-SVHTTDL ngày 12/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 125 thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc

thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao và văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục thể thao và lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

9. Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thể dục, thể thao và lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

10. Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực triển lãm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

11. Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thể dục, thể thao và lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

12. Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục, Quy trình nội bộ thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

13. Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực văn hóa cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Đình Phùng

CỘNG HÒA/Số.10+11/Ngày 18-3-2020
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN
 GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 06/3/2020
 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A. VĂN HÓA						
A1. Di sản văn hóa						
1	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa năm 2001. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010. - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004. - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	- Luật di sản văn hóa năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp		Không	- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính	

	với bảo tàng ngoài công lập	lệ			phủ	
4	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				
5	Cấp giấy phép khai quật khảo cổ	Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.				
6	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	- Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ. - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ VHTT. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ. 	
7	Công nhận bảo vật	- Trong thời hạn	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm	Không	- Luật Di sản văn hóa năm	Những nội dung còn

quốc gia đối	30 ngày,	dịch vụ hành	2001	lại được
<p>với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích</p>	<p>kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân</p>	<p>chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

		<p>cấp tỉnh)</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện</p>				
--	--	--	--	--	--	--

		<p>vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng</p>				
--	--	---	--	--	--	--

		Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.				
8	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	<p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị,</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Luật Di sản văn hóa năm 2001.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ- CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ. - Thông tư số 13/2010/TT- BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ- BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

		<p>Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày,</p>				
--	--	---	--	--	--	--

		<p>kể từ ngày</p> <p>có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.</p>				
--	--	--	--	--	--	--

9	Cấp giấy	Trong thời		Không	- Luật Di sản	
	chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Di sản văn hóa năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ. 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL
10	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. 	ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
11	Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên Cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdic.hvucong.phuyen.gov.vn 			
12	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	hợp lệ.				
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-

14		Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	công ích	- Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdic.hvucong.phuyen.gov.vn	điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.	BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
----	--	---	----------	---	--	--

A2. Điện ảnh

15	Cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt		- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Thẩm định và phân loại phim: 1. Phim thương mại a. Phim truyện: a1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000đ a2. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b. Phim ngắn: b1. Độ dài đến 60 phút: 2.200.000đ b2. Độ dài	- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011. - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008. - Thông tư số	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
----	---	---	--	--	--	---	---

	khâu ít nhất			từ 61 phút	289/2016/TT-	
	40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)			trở lên thu như phim truyện 2. Phim phi thương mại: a. Phim truyện: a1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000đ a2. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b. Phim ngắn: b1. Độ dài đến 60 phút: 1.600.000đ b2. Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.	
16	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Thẩm định và phân loại phim: 1. Phim thương mại a. Phim truyện: a1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000đ a2. Độ dài từ 101 - 150 phút	- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

				<p>1,5 tập a3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</p> <p>b. Phim ngắn: b1. Độ dài đến 60 phút: 2.200.000đ</p> <p>b2. Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</p> <p>2. Phim phi thương mại: a. Phim truyện: a1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000đ</p> <p>a2. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</p> <p>a3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</p> <p>b. Phim ngắn: b1. Độ dài đến 60 phút: 1.600.000đ</p> <p>b2. Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</p>	<p>54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ - Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013.</p> <p>- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.</p>
--	--	--	--	--	--

A3. Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm

17	Tiếp nhận	07 ngày	- Nộp trực tiếp	Không	- Nghị định số	Những nội
----	-----------	---------	-----------------	-------	----------------	-----------

	thông báo	làm việc,	tại Trung tâm		113/2013/NĐ-	
	tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
18	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018.	dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
19	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng		- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdic.hvucong.phuyen.gov.vn			
20	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc		- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.			
21	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch	Không	-Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ

		tuyên			
			http://congdiachvucong.phuyen.gov.vn		
22	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm		- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
23	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ				- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. - Nghị định số 11/2019/NĐ0-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ .
24	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	-Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.
25	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại				Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
26	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa				

	phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại					
27	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại					
28	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	-Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
A4. Nghệ thuật biểu diễn						
29	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Theo quyết định 1676/QĐ-UBND, ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdiachvucong.phuyen.gov.vn 	Mức thu phí thẩm định trình nghệ thuật biểu diễn như sau: 1. Đến 50 phút: 1.500.000đ 2. Từ 51 đến 100 phút: 2.000.000đ 3. Từ 101 đến 150 phút: 3.000.000đ 4. Từ 151	-Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ. -Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ. -Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016. -Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

				đến 200 phút: 3.500.000đ 5. Từ 201 phút trở lên: 5.000.000đ	Ngày 18-3-2020 ngày 19 tháng 10 năm 2016. -Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. -Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.	
30	Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	-Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ. -Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ. -Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016. -Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
31	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	-Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ. -Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ. -Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					ngày 24 tháng 3 năm 2016. -Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016.	
32	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdiachvucong.phuyen.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> -Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ. -Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ. -Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016. -Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016. 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
33	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdiachvucong.phuyen.gov.vn 	Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau: a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ	<ul style="list-style-type: none"> -Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ. -Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ. -Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016. -Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016. -Thông tư số 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

				<p>nhất cộng</p> <p>(+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng</p> <p>(+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:</p> <p>- Đối với bản ghi âm:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000</p>	<p>288/2016/TT-</p> <p>BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>-Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.</p>
--	--	--	--	--	---

				<p>đồng/ chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/ chương trình.</p> <p>- Đối với bản ghi hình:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/ chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/ chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/ chương trình.</p>		
34	Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm</p>	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019

					2016 của Bộ Chính phủ. -Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016. -Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016.	của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
35	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdic.hvucong.phuyen.gov.vn	Không	-Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ. -Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ. -Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016. -Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
A5. Văn hóa cơ sở						
36	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy; - Tại các	-Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ. -Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

				khâu vực		
				khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy.		
37	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
38	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
39	Thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và

						Du lịch
40	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
41	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	04 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo (Theo quyết định 1676/QĐ-UBND, ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdic.hvucong.phuyen.gov.vn	Không	- Điều 29, Điều 30 của Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. - Khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
42	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	04 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo (Theo quyết định 1676/QĐ-UBND, ngày 23/8/2018 của Chủ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch	Không	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ

		tịch	vụ công trực			trưởng Bộ
		UBND tỉnh Phú Yên).	tuyển http://congdiachvucong.phuyen.gov.vn			Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
43	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	3.000.000 đồng/Giấy phép.	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
44	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.500.000 đồng/Giấy phép.	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.	
45	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.500.000 đồng/Giấy phép.	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
A6. Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa						
46	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ. - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

		CÔNG BÁO/Số 10+11/Ngày 18-3-2020			Du lịch	
47	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	-Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ. - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch .	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
48	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

				đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng 2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.	ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
49	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Thẩm định và phân loại phim: 1. Phim thương mại a. Phim truyện: a1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim):	-Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ

				3.600.000đ	tháng 11 năm	Văn hóa,
				a2. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b. Phim ngắn: b1. Độ dài đến 60 phút: 2.200.000đ b2. Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện 2. Phim phi thương mại: a. Phim truyện: a1. Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000đ a2. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a3. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b. Phim ngắn: b1. Độ dài đến 60 phút: 1.600.000đ b2. Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim	2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. -Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

50	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:</p> <p>a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:</p> <p>- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài</p>	<p>-Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>-Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao.</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
----	---	--	---	--	--	--

				<p>thời gian là 15 phút).</p> <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:</p> <p>- Đối với bản ghi âm:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>- Đối với bản ghi hình:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000</p>	
--	--	--	--	--	--

				<p>đồng/ chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/ chương trình.</p> <p>2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.</p>		
A7. Thư viện						
51	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 12 năm 2000.</p> <p>- Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2002 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 56/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 9</p>	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					<p>năm 2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin.</p> <p>- Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012.</p>	
A8. Gia đình						
52	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12</p> <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
53	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính</p>	Không	<p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-</p>

					Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
54	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	công ích.		-Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. -Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
55	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. -Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. -Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					Thể thao và Du lịch. -Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	-Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
57	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. -Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. -Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
58	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra				
59	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình					
60	Cấp Thẻ	07 ngày				

	nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
61	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình					
62	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình					
63	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình					

A9. Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

64	Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT -BVHTTDL- BCA ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an. -Thông tư số 30/2012/TT- BCA ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Bộ Công an. -Thông tư số 06/2015/TT- BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ- BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
----	---	--	--	-------	--	--

B. THẺ DỤC THỂ THAO

65	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số	
66	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao		- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
67	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
68	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng					
69	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019

					<p>đục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>-Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
70	<p>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao</p>	<p>04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>-Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p> <p>-Thông tư số</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

					07/2018/TT- BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch .	
71	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
72	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày

					<p>của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>-Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	31/12/2019
73	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdiachvucong.phuyen.gov.vn</p>	Không	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>-Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

					- Thông tư số	
					08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
74	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
75	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL

					một số điều	ngày
					<p>của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>-Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
76	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>-Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm</p>	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					2019	
77	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

					của Bộ trưởng	
					Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
78	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ r5hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
79	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,

					ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Thể thao và Du lịch.
80	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
81	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
82	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ

					số	trưởng Bộ
					26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. -Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. -Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
83	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. -Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. -Thông tư số 09/2017/TT-	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					BVHTTDL	
					ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
84	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
85	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019

					<p>đục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>-Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p> <p>-Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
86	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdic.hvucong.phuyen.gov.vn</p>	Không	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>-Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p> <p>-Thông tư số</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

					10/2018/TT-	
					BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
87	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ- CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 - Thông tư số 17/2018/TT- BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ- BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
88	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ- BVHTTDL ngày

					<p>đục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
89	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-</p>	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

					BVHTTDL	
					ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
90	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
91	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ

					26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
92	Đăng cai tổ chức Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
93	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,

					6 năm 2018.	Thể thao và Du lịch.
					- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
94	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
95	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
96	Cấp Giấy	07 ngày	- Nộp trực tiếp	Không	- Luật thể dục,	Những nội

	chứng nhận	làm việc,	tại Trung tâm	thể thao số	dung còn
	đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. -Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. -Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
97	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015

					của Quốc hội. -Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. -Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
98	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. -Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. -Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
99	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	07 ngày làm việc, kể từ ngày	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành	Không	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11	Những nội dung còn lại được

	kinh doanh	nhận đủ hồ	chính công	ngày 29 tháng	thực hiện
	hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	sơ hợp lệ	tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019. - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
C. DU LỊCH					
C1. Lữ hành					
100	Công nhận điểm du lịch cấp tỉnh	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017.
					Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

		10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch				
101	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh	- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không		Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ- BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
102	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet	3.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của	

			trên công dịch		Chính phủ.	
			vụ công trực tuyến http://congdic.hvucong.phuyen.gov.vn		- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019.	
103	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
104	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch	2.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số

			vụ bưu chính công ích.		168/2017/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019.	4874/QĐ- BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
105	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
106	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể		- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.			
107	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp					

	doanh nghiệp phá sản					
108	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
109	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	200.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
110	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

111	Cấp Giấy	- 07 ngày		3.000.000	- Luật Du lịch	Du lịch
	<p>phép thành lập phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành nước ngoài</p>	<p>làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành</p>		<p>đồng/giấy phép</p>	<p>số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. -Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. -Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. -Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	

		viên				
112	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyên địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
113	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy .	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
114	Điều chỉnh	- 05 ngày	- Nộp trực tiếp	1.500.000	- Luật Du lịch	Những nội

Giấy phép	làm việc	tại Trung tâm	đồng/giấy	số	dung còn
<p>thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài</p>	<p>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung</p>	<p>dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>phép</p>	<p>09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

		<p>hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p>				
115	<p>Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>1.500.000 đồng/giấy phép</p>	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-</p>	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

					BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
116	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Theo QĐ số 1676/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdiachvucong.phuyen.gov.vn 	650.000 đồng/thẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019. 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
117	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Theo QĐ số 1676/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdiachvucong.phuyen.gov.vn 	650.000 đồng/thẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

118	Cấp đổi thẻ	10 ngày		650.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch	
	hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdic.hvucong.phuyen.gov.vn 	đồng/thẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019. 	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
119	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdic.hvucong.phuyen.gov.vn 	-650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa -200.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019. 	<p>Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

C2. Dịch vụ du lịch khác

120	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Theo QĐ số 1676/QĐ-UBND		1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
121	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.			
122	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch					
123	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch					
124	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch		- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.			
125	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Theo QĐ số	- Nộp qua mạng internet trên cổng dịch vụ công trực tuyến http://congdic	-1.500.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao;		

	lưu trú du lich (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	1676/QĐ- UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)	hvucong.phuy en.gov.vn	2.000.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao.		
--	---	---	---------------------------	--	--	--